

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIA LỘC
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2019/HS-ST

Ngày: 12-7-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LỘC, TỈNH HẢI DƯƠNG

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh
- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Phương Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Sỹ Phụng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 11 và 12 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương xét xử công khai theo thủ tục rút gọn vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 51/2019/TLST-HS ngày 19 tháng 6 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2019/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2019/HSST-QĐ ngày 05 tháng 7 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. ĐOÀN VĂN D, sinh năm 1953; Hộ khẩu thường trú và cư trú: Thôn C, xã Z, huyện G, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 6/10; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Văn T và bà Nghiên Thị S; Vợ là chị Nguyễn Thị O; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 17/4/2019 đến ngày 20/4/2019. Bị cáo tại ngoại và chấp hành Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

Người bào chữa: Bà Nguyễn Thị Sửu – Luật sư, Cộng tác viên Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hải Dương. Có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án.

2. NGUYỄN MINH T, sinh năm 1978; Hộ khẩu thường trú và cư trú: Thôn C, xã Z, huyện G, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C và bà Phạm Thị T; Vợ là chị Đào Thị H, bị cáo có 03 con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: không; bị tạm

giữ từ ngày 17/4/2019 đến ngày 20/4/2019. Bị cáo tại ngoại và chấp hành Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

3. VŨ VĂN A, sinh năm 1974; Hộ khẩu thường trú và cư trú: Thôn C, xã Z, huyện G, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn H và bà Vũ Thị L; Vợ là chị Nguyễn Thị X, bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 1999, con nhỏ sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Ngày 16/5/2011, Công an huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 75/QĐ-XPVPHC về hành vi đánh bạc, chấp hành xong ngày 16/5/2011; bị tạm giữ từ ngày 17/4/2019 đến ngày 20/4/2019. Bị cáo tại ngoại và chấp hành Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

4. NGUYỄN VĂN B, sinh năm 1957; Hộ khẩu thường trú và cư trú: Thôn C, xã Z, huyện G, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn V và bà Lê Thị C; Vợ là chị Mai Thị Q, bị cáo có 05 con, con lớn sinh năm 1978, con nhỏ sinh năm 1992; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 17/4/2019 đến ngày 20/4/2019. Bị cáo tại ngoại và chấp hành Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

5. NGUYỄN THỊ N, sinh năm 1960; Hộ khẩu thường trú và cư trú: Thôn C, xã Z, huyện G, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị Đ; Chồng là anh Nguyễn Văn P, bị cáo có 03 con, con lớn sinh năm 1981, con nhỏ sinh năm 1985; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 17/4/2019 đến ngày 20/4/2019. Bị cáo tại ngoại và chấp hành Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

6. VŨ THỊ X (Tên gọi khác: Vũ Thị H), sinh năm 1975; Hộ khẩu thường trú: Khu 4, phường P, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn D và bà Nguyễn Thị P; Bị cáo có 01 con sinh năm 1993; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Ngày 22/9/2015, Công an phường Phả Lại, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 25/QĐ-XPVPHC về hành vi đánh bạc trái phép, chấp hành xong ngày 12/10/2015; bị tạm giữ từ ngày 17/4/2019 đến ngày 20/4/2019. Bị cáo tại ngoại và chấp hành Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 17/4/2019, các đối tượng Nguyễn Minh T, Nguyễn Văn B, Vũ Văn A, Nguyễn Thị N và Vũ Thị X đi đến nhà Đoàn Văn D ở thôn C, xã Z, huyện G, tỉnh Hải Dương ngồi chơi, uống nước. Trong khi ngồi chơi thì có người rủ đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức đánh "liêng" (không xác định được người rủ) thì cả nhóm đồng ý. Lúc này, các đối tượng có hỏi D về việc cho nhờ địa điểm nhà D để đánh bạc, D đồng ý. Mỗi người đánh bạc nộp cho D số tiền 20.000 đồng, gọi là "tiền hồ", tổng số tiền của 5 người là 100.000 đồng. Các đối tượng gồm T, A, B, N, X ngồi xuống nền nhà tại phòng khách nhà D, sử dụng bộ bài tứ lơ khơ (gồm 52 quân bài) có sẵn bắt đầu đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức đánh "liêng". D không tham gia đánh bạc mà ngồi xem các đối tượng đánh bạc.

Các đối tượng đánh bạc bằng hình thức "đánh liêng" được thua bằng tiền, cụ thể như sau: Dụng cụ để đánh bạc là bộ bài tứ lơ khơ gồm 52 quân bài từ quân A đến quân K. Khi bắt đầu chơi một người dùng bộ bài trộn đều rồi đặt úp xuống chiếu. Mỗi người chơi lựa chọn cho mình 1 quân bài rồi lật ra để so sánh, ai có quân bài lớn hơn thì được quyền chia bài và là người được "tổ" đầu tiên của ván đó. Trước khi chia bài, mỗi người phải đặt cửa xuống chiếu là 10.000 đồng, sau đó người chia bài sẽ chia cho mỗi người 03 quân bài úp kín. Sau khi tự xem bài của mình xong thì người được chia bài sẽ tùy thuộc vào "cước" bài của mình mà tổ tiền tiếp theo, nhưng số lượng tiền tổ tiếp theo không quá 100.000 đồng/1 ván. Sau khi tổ xong thì lần lượt những người chơi còn lại tùy thuộc vào "cước" bài của mình có thể theo hoặc không theo. Nếu theo thì bỏ thêm số lượng tiền đã tổ, nếu không theo thì úp bài coi như ván đó thua và mất 10.000 đồng đặt cửa. Sau khi tổ xong thì các cửa theo tổ đều lật bài để so sánh cước bài. Quy định cước bài như sau: Cước lớn nhất là "sáp", tức là 03 quân bài cùng nước điểm; cước lớn thứ 2 là "liêng", tức là 03 quân bài liên tiếp nhau; cước lớn thứ 3 là "ảnh", tức là 03 quân bài đều có hình người. Sau cùng là tính điểm, tổng điểm tính đến 9, theo quy định số điểm là tổng điểm của 03 quân bài cộng lại rồi trừ đi 0, 10 hoặc 20, quân bài có hình người tính là 0 điểm. Bài của ai có cước lớn nhất thì thắng và được thu hết tiền (gồm cả tiền đặt cửa và tiền tổ) của những người chơi khác. Cứ như vậy mỗi ván bạc diễn ra trong khoảng thời gian từ 3 đến 5 phút.

Đến 16 giờ cùng ngày, lực lượng Công an huyện Gia Lộc phối hợp với

Công an xã Z, huyện Gia Lộc phát hiện, bắt quả tang các đối tượng đang đánh bạc. Thu giữ tại chiếu bạc 01 bộ bài tứ lơ khơ gồm 52 quân bài và số tiền 4.680.000 đồng. Ngoài ra, lực lượng Công an thu trên người của T số tiền 4.500.000 đồng, thu trên người của N số tiền 510.000 đồng và thu trên người của B số tiền 100.000 đồng. Các đối tượng đều khai nhận số tiền thu trên chiếu bạc và trên người đều dùng vào việc đánh bạc. Quá trình bắt giữ, D đã tự giác giao nộp số tiền 100.000 đồng là “tiền hồ”. Tổng số tiền thu giữ trên chiếu bạc và thu trên người các đối tượng sử dụng vào việc đánh bạc là 9.890.000 đồng.

Quá trình điều tra, các bị cáo khai số tiền sử dụng vào việc đánh bạc như sau: T có 4.500.000 đồng; A có 1.600.000 đồng; B có 1.470.000 đồng; N có 610.000 đồng và X có 500.000 đồng.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại Quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn số 51/QĐ-VKS ngày 18/6/2019, Viện kiểm sát nhân dân (viết tắt là VKSND) huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương truy tố Đoàn Văn D, Nguyễn Minh T, Vũ Văn A, Nguyễn Văn B, Nguyễn Thị N, Vũ Thị X đều về tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự (viết tắt là BLHS) năm 2015.

Đại diện VKSND huyện Gia Lộc giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm như đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: các bị cáo Đoàn Văn D, Nguyễn Minh T, Vũ Văn A, Nguyễn Văn B, Nguyễn Thị N, Vũ Thị X phạm tội “Đánh bạc”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s, p khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, khoản 1, khoản 2 Điều 65 BLHS năm 2015: Xử phạt bị cáo D từ 10 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 20 tháng đến 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 36 BLHS năm 2015: Xử phạt bị cáo T từ 10 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 03 ngày tạm giữ bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã Z, huyện G, tỉnh Hải Dương nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Bị cáo T bị khấu trừ từ 5% đến 10% thu nhập hàng tháng để sung quỹ Nhà nước trong thời gian cải tạo không giam giữ.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 36 BLHS năm 2015: Xử phạt bị cáo A từ 10 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 03 ngày tạm giữ bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã Z, huyện G, tỉnh Hải Dương nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Bị cáo A bị khấu trừ từ 5% đến 10% thu nhập hàng tháng để sung quỹ Nhà nước trong thời gian cải tạo không giam giữ.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 36 BLHS năm 2015: Xử phạt bị cáo B từ 10 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 03 ngày tạm giữ bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã Z, huyện G, tỉnh Hải Dương nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Bị cáo B bị khấu trừ từ 5% đến 10% thu nhập hàng tháng để sung quỹ Nhà nước trong thời gian cải tạo không giam giữ.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 35 BLHS năm 2015: Xử phạt bị cáo N 20.000.000 đồng sung ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 36 BLHS năm 2015: Xử phạt bị cáo X từ 08 tháng đến 10 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 03 ngày tạm giữ bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND phường P, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Bị cáo X bị khấu trừ từ 5% đến 10% thu nhập hàng tháng để sung quỹ Nhà nước trong thời gian cải tạo không giam giữ.

- Hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 321 BLHS năm 2015 đối với các bị cáo T, A, X: Xử phạt tiền các bị cáo T, A, X mỗi bị cáo 10.000.000 đồng sung ngân sách Nhà nước. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo D, B, N.

- Xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 BLHS năm 2015; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự (viết tắt là BLTTHS) năm 2015: Tịch thu, tiêu hủy 01 bộ bài gồm 52 quân bài. Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 9.890.000 đồng.

- Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 BLTTHS năm 2015; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo T, A, N, X mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo D, B.

Người bào chữa cho bị cáo D nhất trí với luận tội của đại diện VKSND huyện Gia Lộc, đề nghị cho bị cáo D được hưởng án treo.

Các bị cáo nói lời sau cùng đều nhất trí với luận tội của đại diện VKSND huyện Gia Lộc, bị cáo D xin được hưởng án treo, các bị cáo T, A, B, X xin được cải tạo tại địa phương, bị cáo N xin được phạt tiền.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Gia Lộc, Điều tra viên, VKSND huyện Gia Lộc, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với biên bản phạm tội quả tang, lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người làm chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ 13 giờ 30 phút đến 16 giờ ngày 17/4/2019, Đoàn Văn D dùng nhà ở của mình ở thôn Cao Duệ, xã Nhật Tân, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương làm địa điểm cho Nguyễn Minh T, Vũ Văn A, Nguyễn Văn B, Nguyễn Thị N, Vũ Thị X đánh bạc trái phép được thua bằng tiền dưới hình thức “đánh liêng”, số tiền sử dụng vào việc đánh bạc là 9.890.000 đồng (trong đó có số tiền hồ 100.000 đồng D đã thu).

Các bị cáo Nguyễn Minh T, Vũ Văn A, Nguyễn Văn B, Nguyễn Thị N, Vũ Thị X đều có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi đánh bạc là vi phạm pháp luật, song vì tư lợi muốn có tiền bằng hình thức sát phạt nhau, các bị cáo vẫn cố ý cùng nhau thực hiện hành vi đánh bạc. Bị cáo Đoàn Văn D tuy không tham gia đánh bạc nhưng vì muốn thu lợi bất chính, D đã chứa chấp, cho phép các bị cáo trên đánh bạc tại nhà mình thu 100.000 đồng tiền hồ; do quy mô của chiều bạc không lớn nên hành vi của bị cáo D chưa đủ yếu tố cấu thành tội Gá bạc mà hành vi của bị cáo là đồng phạm đánh bạc với 5 bị cáo còn lại.

Số tiền sử dụng đánh bạc bị bắt quả tang là 9.890.000 đồng nhưng quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo khai chỉ sử dụng số tiền đánh bạc: T có 4.500.000 đồng; A có 1.600.000 đồng; B có 1.470.000 đồng; N có 610.000 đồng, X có 500.000 đồng, D thu tiền hồ 100.000 đồng, tổng là 8.780.000 đồng. Số tiền sử dụng vào việc đánh bạc theo lời khai của các bị cáo không phù hợp

với tổng số tiền thu khi bắt quả tang nhưng các bị cáo vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự đối với số tiền sử dụng đánh bạc là 9.890.000 đồng. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 BLHS năm 2015. Vì vậy, VKSND huyện Gia Lộc truy tố các bị cáo D, T, A, B, N, X về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 BLHS năm 2015 là đúng pháp luật.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự quản lý Nhà nước, gây mất trật tự xã hội nên cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc đối với các bị cáo mới đủ tác dụng giáo dục đối với các bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Các bị cáo đồng phạm về tội “Đánh bạc”, là đồng phạm giản đơn vì không có sự chuẩn bị, câu kết, tổ chức chặt chẽ giữa những người thực hiện tội phạm. Xem xét vai trò, đồng thời đánh giá nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo để quyết định hình phạt đối với các bị cáo như sau:

Bị cáo D tuy không trực tiếp tham gia đánh bạc nhưng đã cho các bị cáo khác đánh bạc tại nơi ở của mình và thu tiền hồ, nếu không có sự chứa chấp của bị cáo thì vụ án đánh bạc có thể sẽ không xảy ra nên giữ vai trò đầu trong vụ án. Bị cáo T đánh bạc với số tiền nhiều nhất là 4.500.000 đồng nên bị cáo T giữ vai trò thứ hai. Giữ vai trò thứ ba là bị cáo A và bị cáo B có số tiền sử dụng đánh bạc ít hơn bị cáo T (A sử dụng 1.600.000 đồng, B sử dụng 1.470.000 đồng). Giữ vai trò cuối là bị cáo N và bị cáo X có số tiền sử dụng đánh bạc ít nhất (bị cáo N sử dụng 610.000 đồng, bị cáo X sử dụng 500.000 đồng).

Về nhân thân: các bị cáo D, T, B, N đều có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự. Bị cáo A và bị cáo X đều có 01 tiền sự về hành vi đánh bạc, đã được xóa.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: các bị cáo D, T, A, B, N, X đều lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên 6 bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015. Bị cáo D là người khuyết tật nặng, có vợ được Nhà nước tặng huy chương nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015. Bị cáo B có anh trai là liệt sỹ; bị cáo N có anh trai là liệt sỹ, bố đẻ là thương binh nên các bị cáo

B, N được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015.

Các bị cáo D, T, A, B, N, X đều được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo D là người khuyết tật nặng không thể tự thực hiện một số việc phục vụ nhu cầu sinh hoạt cá nhân hàng ngày nên không cần bắt các bị cáo phải cách ly khỏi xã hội mà cho bị cáo D được hưởng án treo, phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo T, A, B, X, phạt tiền đối với bị cáo N cũng đủ tác dụng giáo dục đối với các bị cáo thành người có ích cho xã hội. Do các bị cáo T, A, B, X bị phạt cải tạo không giam giữ nên bị khấu trừ một phần thu nhập theo quy định.

[5] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo phạm tội với mục đích tư lợi, đều có thu nhập nên ngoài hình phạt chính, cần áp dụng thêm hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo T, A, X. Bị cáo D là người khuyết tật nặng, bị cáo B là người cao tuổi, hoàn cảnh gia đình khó khăn có xác nhận của UBND xã Z, huyện G, tỉnh Hải Dương nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Do phạt tiền là hình phạt chính đối với bị cáo N nên bị cáo N không bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

[6] Về vật chứng: Số tiền 9.890.000 đồng là tiền các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước; 01 bộ bài gồm 52 quân bài là công cụ các bị cáo dùng để phạm tội nên cần tịch thu, tiêu hủy theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 47 BLHS năm 2015; điểm a, b khoản 2 Điều 106 BLTTHS năm 2015.

[7] Về án phí: Các bị cáo phạm tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, bị cáo D là người khuyết tật nặng, bị cáo B là người cao tuổi nên căn cứ điểm đ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, các bị cáo D, B được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321 BLHS năm 2015:

Tuyên bố: các bị cáo Đoàn Văn D, Nguyễn Minh T, Vũ Văn A, Nguyễn Văn B, Nguyễn Thị N, Vũ Thị X (tên gọi khác: Vũ Thị H) phạm tội “Đánh bạc”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s, p khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, khoản 1, khoản 2 Điều 65 BLHS năm 2015: Xử phạt bị cáo Đoàn Văn D 10 (mười) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 20 (hai mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Đoàn Văn D cho UBND xã Z, huyện G, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo D có trách nhiệm phối hợp với UBND xã Z, huyện G, tỉnh Hải Dương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo D thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 36 BLHS năm 2015: Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 03 (ba) ngày tạm giữ bằng 09 (chín) ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành 11 (mười một) tháng 21 (hai mươi một) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã Z, huyện G, tỉnh Hải Dương nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Bị cáo T bị khấu trừ 10% thu nhập hàng tháng để sung quỹ Nhà nước trong thời gian cải tạo không giam giữ.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 36 BLHS năm 2015: Xử phạt bị cáo Vũ Văn A 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 03 (ba) ngày tạm giữ bằng 09 (chín) ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành 11 (mười một) tháng 21 (hai mươi một) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã Z, huyện G, tỉnh Hải Dương nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Bị cáo A bị khấu trừ 8% thu nhập hàng tháng để sung quỹ Nhà nước trong thời gian cải tạo không giam giữ.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 36 BLHS năm 2015: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B 10 (mười) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 03 (ba) ngày tạm giữ bằng 09 (chín) ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành 09 (chín) tháng 21 (hai mươi một) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã Z, huyện G, tỉnh Hải Dương nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Bị cáo B bị khấu trừ 8% thu nhập hàng tháng để sung quỹ Nhà nước trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Giao các bị cáo Nguyễn Minh T, Vũ Văn A, Nguyễn Văn B cho UBND xã Z, huyện G, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình các bị cáo T, A, B có trách nhiệm phối hợp với UBND xã Z, huyện G, tỉnh Hải Dương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 35 BLHS năm 2015: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) sung vào ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 36 BLHS năm 2015: Xử phạt bị cáo Vũ Thị X (tên gọi khác: Vũ Thị H) 08 (tám) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 03 (ba) ngày tạm giữ bằng 09 (chín) ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành 07 (bảy) tháng 21 (hai mươi một) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND phường P, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Bị cáo X bị khấu trừ 5% thu nhập hàng tháng để sung quỹ Nhà nước trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Vũ Thị X cho UBND phường P, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo X có trách nhiệm phối hợp với UBND phường P, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

2. Hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 321 BLHS năm 2015 đối với các bị cáo T, A, X.

- Xử phạt tiền các bị cáo T, A, X mỗi bị cáo 10.000.000đ (mười triệu đồng) sung vào ngân sách Nhà nước.

3. Xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 BLHS năm 2015; điểm a, b khoản 2 Điều 106 BLTTHS năm 2015.

Tịch thu, tiêu hủy 01 bộ bài gồm 52 quân bài. Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 9.890.000 đồng. (Đặc điểm vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện Gia Lộc và Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Gia Lộc ngày 09/7/2019).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 BLTTHS năm 2015; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Nguyễn Minh T, Vũ Văn A, Nguyễn Thị N, Vũ Thị X mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Đoàn Văn D, Nguyễn Văn B.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- VKSND huyện Gia Lộc;
- Cơ quan CSĐT-Công an huyện Gia Lộc;
- Cơ quan THAHS-Công an huyện Gia Lộc;
- Cơ quan HSNVCS- Công an huyện Gia Lộc;
- Chi cục THADS huyện Gia Lộc;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Hoài Thanh